TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/ DS-ST
Ngày:10/ 8/2023
"Tranh chấp hợp đồng mua bán T sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN, TỈNH TN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán, chủ toạ phiên toà*:* Bà Hoàng Thị Huyền
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hạnh
2. Ông Lý Ba Duy

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện VN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2023 tại Hội trường, Toà án nhân dân huyện VN tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2023/TLST - DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán T sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST- DS ngày 13/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Trọng T, sinh năm 1956;
Địa chỉ: Xóm ĐC, xã LT, huyện VN, tỉnh TN.
(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Xóm ĐC, xã LT, huyện VN, tỉnh TN.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Trọng T trình bày: Từ năm 2017 đến năm 2019 ông và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976, địa chỉ: Xóm ĐC, xã LT, huyện VN, tỉnh TN có mua bán với nhau vật liệu xây dựng. Từng lần mua bán vật liệu xây dựng đều ghi sổ sách và ký chốt với nhau đầy đủ. Tính đến thời điểm hiện tại ông Nguyễn Văn C còn nợ ông số tiền là 12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* và ông không yêu cầu tính lãi suất. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông C trả nợ nhưng ông C không trả. Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải trả lại cho tôi số tiền 12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* cho ông.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2023 ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông C có nợ ông Đặng Trọng T số tiền là 12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* là số tiền mua bán vật liệu xây dựng với ông Đặng Trọng

T. Nhưng hiện tại ông Nguyễn Văn C khẳng định ông C đã trả cho ông T số tiền là 12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)*. Nay ông Đặng Trọng T yêu cầu ông C trả lại số tiền trên. Ông C không đồng ý với yêu cầu của ông T vì ông C đã trả số tiền trên cho ông T.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện và đề nghị ông Nguyễn Văn C phải trả cho ông tổng số tiền 12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* không tính lãi suất.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuân thủ đúng quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là đúng quy định của khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho ông Đặng Trọng T tổng số tiền 12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* không tính lãi suất. Về án phí bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Sau khi nhận đơn khởi kiện Tòa án đã thụ lý vụ án với mối quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay T sản, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Trọng T và bị đơn ông Nguyễn Văn C đều khẳng định số tiền ông C nợ là do ông C mua vật liệu xây dựng của ông T vì vậy đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán T sản, bị đơn là ông Nguyễn Văn C có nơi cư trú: Xóm ĐC, xã LT, huyện VN, tỉnh TN, hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm ĐC, xã LT, huyện VN, tỉnh TN. Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN. Các T liệu chứng cứ các bên nộp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Từ năm 2017 đến năm 2019 ông Đặng Trọng T và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976, địa chỉ: Xóm ĐC, xã LT, huyện VN, tỉnh TN có

mua bán với nhau vật liệu xây dựng qua nhiều lần. Từng lần mua bán vật liệu xây dựng đều có ghi sổ sách và ký chốt nợ với nhau đầy đủ. Tính đến ngày 30/12/2019 (âm lịch) ông Nguyễn Văn C còn nợ ông T tổng số tiền là 12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)*và có thỏa thuận bằng miệng ông T cho ông C trả nợ dần đến 30/12/2020 thì phải trả hết. Đến hết năm 2020 ông T đã sang nhà ông C đòi nhiều lần nhưng ông C không trả số tiền trên cho ông T. Nay ông T yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải trả lại cho ông T số tiền 12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)không tính lãi xuất.* Bị đơn ông C thừa nhận có nợ ông T tổng số tiền12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* là số tiền ông C mua vật liệu xây dựng của ông T và đến ngày 30/12/2019 ông có chốt sổ nợ và ký tên còn nợ số tiền trên, nhưng quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông C không nhất trí trả cho ông T với lý do ông C cho rằng ông C đã trả số nợ trên cho ông T, nhưng ông C không đưa ra được T liệu chứng cứ để chứng minh ông C đã trả cho ông T số tiền nợ là12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)*không tính lãi xuất. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Trọng T là phù hợp và có căn cứ với các quy định của pháp luật.Vì vậy cần phải chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông C phải trả cho ông T tổng số tiền nợ gốc là12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)*không tính lãi xuất.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VN về giải quyết vụ án tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 430 và Điều 440; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Trọng T. Buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho ông Đặng Trọng T tổng số tiền gốc là 12.668.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)*, không tính lãi xuất.

Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đặng Trọng T có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu ông Nguyễn Văn C không tự nguyện thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải nộp 633.400 đồng *(sáu trăm ba ba nghìn bốn trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách

nhà nước. Hoàn trả cho ông Đặng Trọng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 420.000 đồng *(bốn trăm hai mươi nghìn đồng)* theo biên lai số 0003474 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện VN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện VN;
- CCTHADS huyện VN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Huyền

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Huyền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện VN;
- CCTHADS huyện VN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Huyền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện VN;
- CCTHADS huyện VN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Huyền